

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức
hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN,
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ Nội vụ về biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2019;

Xét Tờ trình số 8787/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 235/BC-HĐND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2019 như sau:

1. Tổng biên chế 3.433 người, trong đó:
 - a) Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh: 1.780 người;
 - b) Biên chế trong các cơ quan cấp huyện: 1.649 người;
 - c) Biên chế dự phòng: 04 người.

2. Biên chế cụ thể trong các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (hưởng lương trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh) tại các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2019 là 257 người.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo đúng quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



Nguyễn Xuân Sơn

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NGHỆ AN NĂM 2019**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...~~27~~.../NQ-HĐND ngày ~~12/12~~2018 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
	Tổng giao	3429	
I	Cấp tỉnh	1780	
1	Các sở, ban, ngành	1703	
1.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	34	
1.2	Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh	80	
1.3	Sở Kế hoạch- Đầu tư	63	
1.4	Sở Tài chính	85	
1.5	Sở Giáo dục - Đào tạo	74	
1.6	Sở Y tế	85	
	<i>Cơ quan sở</i>	46	
	<i>Chi cục Dân số- Kế hoạch hoá gia đình</i>	21	
	<i>Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm</i>	18	
1.7	Sở Văn hoá và Thể thao	53	
1.8	Sở Du lịch	20	
1.9	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	518	
	<i>Cơ quan sở</i>	63	
	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	314	
	<i>Văn phòng Chi cục chăn nuôi và Thú y</i>	18	
	<i>Văn phòng chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	29	
	<i>Văn phòng Chi cục Thủy Lợi</i>	25	
	<i>Chi cục Thủy sản</i>	33	
	<i>VP điều phối CTMTQG XDNT mới</i>	5	
	<i>Văn phòng Chi cục phát triển nông thôn</i>	20	
	<i>Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản</i>	11	
1.10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	71	
	<i>Cơ quan sở</i>	62	
	<i>Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội</i>	9	
1.11	Sở Công thương	61	
1.12	Sở Giao thông – Vận tải	86	
	<i>Cơ quan sở</i>	46	
	<i>Thanh tra Giao thông vận tải</i>	34	
	<i>Văn phòng Ban an toàn giao thông</i>	6	
1.13	Sở Xây dựng	64	
	<i>Cơ quan sở</i>	52	
	<i>Thanh tra Xây dựng</i>	12	
1.14	Sở Nội vụ	77	
	<i>Cơ quan sở</i>	38	
	<i>Ban Tôn giáo</i>	19	

	<i>Ban Thi đua Khen thưởng</i>	13	
	<i>Chi cục Văn thư Lưu trữ</i>	7	
1.15	Sở Tài nguyên - Môi trường	83	
	<i>Cơ quan sở</i>	64	
	<i>Chi cục bảo vệ môi trường</i>	19	
1.16	Sở Khoa học và Công nghệ	40	
	<i>Cơ quan sở</i>	24	
	<i>CC tiêu chuẩn, đo lường - chất lượng</i>	16	
1.17	Sở Tư pháp	41	
1.18	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
1.19	Thanh tra tỉnh	52	
1.20	Sở Ngoại vụ	18	
1.21	Ban Dân tộc	31	
1.22	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	37	
2	<i>Tổ chức hành chính làm nhiệm vụ QLNN trong các đơn vị sự nghiệp</i>	77	
2.1	Hạt kiểm lâm thuộc Vườn Quốc gia Pù Mát	53	
2.2	Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông	12	
2.3	Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt	12	
II	Các cơ quan cấp huyện	1649	
1	CQ HĐND - UBND thành phố Vinh	148	
2	CQ HĐND - UBND thị xã Cửa Lò	67	
3	CQ HĐND - UBND thị xã Hoàng Mai	66	
4	CQ HĐND - UBND thị xã Thái Hoà	68	
5	CQ HĐND- UBND huyện Quỳnh Lưu	78	
6	CQ HĐND - UBND huyện Nghĩa Đàn	77	
7	CQ HĐND - UBND huyện Diễn Châu	85	
8	CQ HĐND- UBND huyện Yên Thành	79	
9	CQ HĐND - UBND huyện Nghi Lộc	78	
10	CQ HĐND - UBND huyện Nam Đàn	78	
11	CQ HĐND - UBND huyện Hưng Nguyên	76	
12	CQ HĐND-UBND huyện Thanh Chương	78	
13	CQ HĐND - UBND huyện Đô Lương	78	
14	CQ HĐND - UBND huyện Anh Sơn	73	
15	CQ HĐND - UBND huyện Con Cuông	72	
16	CQ HĐND - UBND huyện Tương Dương	73	
17	CQ HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn	79	
18	CQ HĐND - UBND huyện Tân Kỳ	75	
19	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Hợp	76	
20	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Châu	73	
21	CQ HĐND- UBND huyện Quế Phong	72	

Handwritten signature

Handwritten mark

